

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2LX** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02073** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục QP - An ninh**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201162902	Nguyễn Trí Ân	29/10/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2256201162904	Từ Chí Dũng	27/04/2007				9	8.5	8.5			6.5		7.3
3	2256201162905	Ngô Võ Thúy Duyên	20/03/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
4	2256201162906	Nguyễn Hữu Đoàn	22/04/2007				7	8.0	7.0			6.5		6.9
5	2256201162907	Trương Gia Hân	12/07/2007				9	9.5	8.0			6.5		7.4
6	2256201162910	Nguyễn Hoàng Khang	09/02/2007				8	7.0	6.5			5.0		5.8
7	2256201162911	Trần Nhựt Khanh	10/06/2007				8	8.5	8.0			5.8		6.8
8	2256201162912	Cao Tuệ Mẫn	08/04/2007				9	8.5	8.5			8.8		8.7
9	2256201162913	Trần Thái Nam	20/09/2007				8	7.5	7.5			6.0		6.6
10	2256201162914	Trần Kim Ngọc	13/12/2007				7	9.0	8.5			8.3		8.3
11	2256201162915	Trần Thị Kim Ngọc	05/09/2007				5	6.5	5.0			8.0		7.0
12	2256201162916	Lại Thị Tuyết Nhi	23/05/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2256201162917	Nguyễn Lê Hiệp Phát	23/02/2007				8	7.0	6.0			9.3		8.3
14	2256201162918	Vũ Thị Bích Phương	08/08/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
15	2256201162919	Chau Rék Smây	03/10/2007				7	5.0	7.0			9.5		8.2
16	2256201162920	Nguyễn Chí Tài	24/02/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
17	2256201162921	Tô Thiện Tâm	08/09/2007				5	7.0	5.5			0.0	0.0	2.4
18	2256201162922	Đỗ Bảo Thy	12/09/2007				8	9.5	7.0			9.0		8.7
19	2256201162923	Lê Thị Mỹ Tiên	22/11/2006				7	8.0	6.0			5.5		6.1
20	2256201162924	Nguyễn Minh Trí	14/08/2007				7	5.0	7.5			8.0		7.4
21	2256201162926	Trần Thành Trung	24/12/2006				5	5.0	5.0			0.0	0.0	2.0
22	2256201162927	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11/05/2007				9	7.5	9.0			4.3	0.0	5.9

Châu Đốc, ngày 10 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quang Huy